

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HS-ST

Ngày: 27/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Tý- Ông Lò Văn Lâm

- *Thư ký phiên toà:* Bà Quảng Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà:*
Ông Nguyễn Viết Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 27/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2018/HSST, ngày 23/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS ngày 12/7/2018 đối với bị cáo:

Lò Văn P - Sinh năm 1973;

Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn P – Sinh năm: 1953 và bà: Hà Thị E- Sinh năm: 1957; Bị cáo có vợ: Lò Thị H và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/7/2006, Lò Văn P bị Tòa án nhân dân tối cao áp dụng khoản 2 Điều 119, điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 07 năm tù về tội: “*Mua bán phụ nữ*”. Hiện bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/3/2018, tạm giam từ ngày 16/3/2018 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Than Uyên (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1/ Lò Văn T - Sinh năm: 1999

Địa chỉ: Bản Khem, xã T, Than Uyên, Lai Châu (vắng mặt không có lý do)

2/ Lò Văn N - Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Bản M, xã T, Than Uyên, Lai Châu (Có mặt)

- *Người chứng kiến:* Lò Văn T – Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Bản Nà É, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu Châu (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 15 phút ngày 13/3/2018, tại Bản Nà É, xã Mường Kim huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu, Công an huyện Than Uyên lập biên bản quả tang các đối tượng Lò Văn T, sinh năm: 1999 trú tại: Bản Khem, xã T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu và Lò Văn N, sinh năm: 1996, trú tại: Bản M, xã T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu có hành vi vi phạm hành chính tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ trong túi áo ngực bên trái của Lò Văn T là 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu hồng có khối lượng 0,03 gam, mục đích để sử dụng. Tại Cơ quan điều tra Lò Văn T và Lò Văn N khai về nguồn gốc gói Heroine là do mua của Lò Văn P - Sinh năm: 1973, trú tại: Bản M, xã T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu với giá 200.000đồng. Căn cứ lời khai của Lò Văn T và Lò Văn N phù hợp với các tài liệu đã thu thập được nên Cơ quan điều tra đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn P về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Quá trình thi hành Lệnh giữ người, thu giữ của Lò Văn P 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Masstel.

Quá trình điều tra Lò Văn P, Lò Văn T, Lò Văn N khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 13/3/2018, Lò Văn P đang ở lán nương thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình P tại Bản M, xã T, Than Uyên thì nhận được điện thoại của Lò Văn N hỏi mua Heroine để sử dụng, P đồng ý bán và hẹn gặp tại lán nương. Khoảng 15 phút sau, Lò Văn N đi cùng Lò Văn T đến lán nương của P, N đưa cho P số tiền 200.000đồng (*gồm 02 tờ tiền mệnh giá 100.000đồng*), đây là số tiền do T đưa cho N cầm để hỏi Heroine cùng sử dụng. Lò Văn P nhận tiền rồi đi ra phía sau lán nương gặp và mua của vợ chồng người dân tộc Mông không rõ lai lịch 03 gói Heroine(*từng gói được gói bằng mảnh nilon màu hồng*) với giá 200.000đồng. Mua được Heroine, P mang về đưa cho T và N mỗi người 01 gói Heroine, tương ứng với số tiền 200.000đồng N đưa cho P. Gói Heroine còn lại P giữ lại để sử dụng nhưng không nói cho T và N biết. Mua được Heroine, T và N lấy 01 gói Heroine sử dụng hết tại lán nương của P, P nhìn thấy và để mặc cho T và N sử dụng Heroine tại nơi ở do P quản lý, sử dụng. Sau khi sử dụng xong Heroine, Lò Văn T cất giấu 01 gói Heroine còn lại vào trong túi áo ngực bên trái để mang về cùng N chia nhau sử dụng tiếp. Khi Lò Văn T và Lò Văn N đi đến bản Nà É, Mường Kim thì bị Công an huyện Than Uyên phát hiện, lập biên bản quả tang hành vi vi phạm hành chính tàng trữ trái phép 0,03 gam Heroine. Ngay sau đó, Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn P thu giữ 01 gói Heroine có khối lượng 0,04 gam; số tiền 20.000đồng, P

khai đây là số tiền do chị Lò Thị H (vợ P) đưa đi mua mì tôm và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel (*đây là chiếc điện thoại P dùng để liên lạc với Lò Văn N khi trao đổi mua bán Heroine*).

Quá trình điều tra, Lò Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 13/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên đã tiến hành mở niêm P và lấy mẫu gửi giám định vật chứng thu giữ của Lò Văn N, Lò Văn T và vật chứng thu giữ của Lò Văn P. Tại bản kết luận giám định số: 139 ngày 21/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: “Số chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ của Lò Văn T và Lò Văn N là Heroine có khối lượng 0,03gam; Số chất bột khô, màu trắng, vón cục thu giữ của Lò Văn P là Heroine có khối lượng 0,04 gam (các vật chứng đã gửi giám định hết và không hoàn lại mẫu vật”.

Đối với số tiền thu giữ của Lò Văn P, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của Lò Thị H xác nhận số tiền 20.000đồng là của chị H nên Cơ quan điều tra đã lập biên bản trả lại số tiền nói trên cho chị H vào ngày 13/3/2018 là có căn cứ.

Vật chứng còn lại của vụ án 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của Lò Văn P hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng Công an huyện Than Uyên.

Bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 19/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố bị cáo Lò Văn P về các tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 và “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phần xét hỏi, bị cáo khai nhận: Tại thời điểm bán Heroine, bị cáo chỉ quen biết Lò Văn N chứ không quen biết Lò Văn T, bị cáo thực hiện hành vi bán Heroine đối với một mình N chứ không phải bán Heroine cho cả N và T. Sau khi nhận tiền của N và đi mua Heroine bán, bị cáo đưa 02 gói Heroine mua được cho cả T và N là do N nói người đi cùng là bạn N và bảo bị cáo đưa Heroine cho cả hai người.

Người làm chứng Lò Văn N khai: N là người trực tiếp trao đổi mua bán Heroine với Lò Văn P thông qua việc gọi điện thoại hỏi và đưa tiền mua Heroine. Người đi cùng N là Lò Văn T không thực hiện các giao dịch mua bán Heroine với P. Khi T đưa tiền cho N thì P không nhìn thấy.

Kết thúc xét hỏi, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố căn cứ Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự trình bày luận tội, kết luận về khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật đối với tội: “Mua bán trái phép

chất ma túy”. Đối với tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lò Văn P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Lò Văn P phải chấp hành từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (13/3/2018).

Đề nghị không áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 3 Điều 256 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật và rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Than Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 13/3/2018, Cơ quan điều tra bắt quả tang Lò Văn N và Lò Văn T tàng trữ 0,03 gam Heroine, từ lời khai của T và N, Cơ quan điều tra ra lệnh giữ người và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn P về hành vi: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Quá trình điều tra, Lò Văn P khai nhận: Ngày 13/3/2018, tại Bản M, xã T, huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu, Lò Văn P đã nhận số tiền 200.000 đồng từ Lò Văn N để đi mua Heroine về bán. Sau khi mua được 03 gói Heroine của vợ chồng người dân tộc Mông không rõ lai lịch, Lò Văn P

mang về đưa cho cho Lò Văn N và Lò Văn T mỗi người 01 gói Heroine, P giữ lại 01 gói để sử dụng. Thông qua việc bán Heroine, Lò Văn P hưởng lợi 01 gói Heroine có khối lượng 0,04 gam. Mua được Heroine, T và N đã sử dụng 01 gói Heroine tại lán nương thuộc quyền quản lý, sử dụng của Lò Văn P, P biết nhưng vẫn để mặc. Gói Heroine còn lại, Lò Văn T cất giấu trong túi áo ngực của mình mục đích mang về sử dụng tiếp. Như vậy, hành vi của bị cáo Lò Văn P đã cấu thành tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Lò Văn P, lời khai của người làm chứng Lò Văn N thể hiện: Khi trao đổi, mua bán Heroine chỉ có Lò Văn N là người trực tiếp giao dịch, trao đổi và mua Heroine của bị cáo Lò Văn P. Trước khi đến lán nương của bị cáo, Lò Văn N là người gọi điện thoại cho bị cáo để hỏi mua Heroine; tại lán nương, Lò Văn N là người trực tiếp đưa tiền cho bị cáo. Người làm chứng Lò Văn T chỉ là người đi cùng chứ không thực hiện việc trao đổi hay thỏa T gì với bị cáo về việc mua bán Heroine. Mặt khác, bị cáo Lò Văn P và người làm chứng Lò Văn N đều khẳng định bị cáo không quen biết Lò Văn T. Về số tiền 200.000 đồng T đưa cho N để mua Heroine, bị cáo không biết việc góp tiền giữa T và N. Bị cáo Lò Văn P khai bị cáo chỉ được trao đổi mua bán Heroine với một người là Lò Văn N, còn lý do bị cáo đưa cho Lò Văn N và Lò Văn T mỗi người 01 gói Heroine là do N bảo bị cáo đưa cho T 01 gói Heroine. Như vậy, chưa đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lò Văn P bán Heroine cho 02 người trở lên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Việc đại diện Viện kiểm sát kết luận về khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật đối với tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” của bị cáo Lò Văn P là có căn cứ, đúng quy định.

Về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”, sau khi bán Heroine cho Lò Văn T và Lò Văn N, các đối tượng này đã sử dụng tại lán nương thuộc quyền sở hữu của Lò Văn P, tại phiên tòa bị cáo khai nhận bị cáo có biết và chứng kiến việc Lò Văn T, Lò Văn N sử dụng trái phép chất ma túy tại lán nương của mình. Tuy bị cáo không cho mượn nhưng có ý thức để mặc cho Lò Văn T, Lò Văn N sử dụng. Như vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lò Văn P về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy đi ngược lại cuộc đấu tranh quyết liệt của Nhà nước và

nhân dân ta, nhằm đẩy lùi và loại trừ ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Ma túy đã gây ra những tác hại khôn lường cho sức khỏe, trí tuệ, nhân cách và nòi giống con người, làm mất trật tự trị an tại địa phương, ma túy còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, vì vậy cần lên một mức án thật nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, do đó xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về nhân thân: Năm 2006, Lò Văn P bị Tòa án nhân dân tối cao xét xử phúc thẩm về tội “Mua bán phụ nữ” với mức án 07 năm tù. Đến năm 2008, được đặc xá trở về địa phương. Trong thời gian cải tạo, bị cáo đã được giáo dục và nhận thức về những hành vi pháp luật cấm và cho phép được làm. Lẽ ra, bị cáo phải tuyên truyền cho gia đình và thôn bản nơi bị cáo sinh sống về những chính sách của Đảng và Nhà nước, làm ăn kinh tế, tránh xa các tệ nạn xã hội. Nhưng bị cáo đã mắc vào tệ nạn xã hội nghiện chât ma túy, với mục đích hưởng lợi ích từ việc bán ma túy, đồng thời có ma túy sử dụng cho nhu cầu của bản thân, bị cáo đã bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, lao động sớm trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng mang tính đấu tranh, phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh tội phạm và tệ nạn ma túy hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập thấp. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng các hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251, khoản 3 Điều 256 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án là: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của Lò Văn P, xét thấy đây là chiếc điện thoại bị cáo P dùng vào việc trao đổi mua bán trái phép chât ma túy nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về nguồn gốc số Heroine bị cáo Lò Văn P khai mua của vợ chồng người dân tộc Mông không rõ lai lịch nên không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với Lò Văn T, Lò Văn N đã có hành vi vi phạm hành chính về việc tàng trữ trái phép 0,03 gam Heroine mục đích để cùng nhau sử dụng. Xét hành

vi tàng trữ chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Than Uyên đã ra quyết định xử phạt vi hành chính là đúng quy định.

Quá trình điều tra, Lò Văn N khai trước đó đã mua trái phép 03 lần Heroine của Lò Văn P và 01 lần được P cho Heroine để sử dụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, đối chất giữa P và N, P không thừa nhận được bán trái phép chất ma túy cho N ngoài lần bán ngày 13/3/2018. Ngoài lời khai của Lò Văn N không còn tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh những lần bán trái phép chất ma túy khác của Lò Văn P nên không đủ căn cứ để kết luận P thực hiện hành vi phạm 02 lần trở lên.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lò Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Lò Văn P phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”

1. Về hình phạt:

Căn cứ Điều 325 – Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lò Văn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và 02 (hai) năm tù về tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Lò Văn P phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2018.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của Lò Văn P.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2018*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Lò Văn P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- CQĐT huyện Than Uyên;
- CQ THAHS H. Than Uyên;
- Nhà tạm giữ CAH. Than Uyên
- THA PT;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp Lai Châu;
- Lưu HS – TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng